

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **339/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/9/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Công Danh.

Bà Lê Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 856/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2022/QĐXX-ST ngày 05/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Huỳnh Phương T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đ, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Tô Huỳnh Phương T trình bày:

Bà và ông Bùi Ngọc H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Sau này vợ chồng phát sinh những mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng bà đã sống ly thân. Xét tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Hoàng T1, sinh ngày 04/9/2009 và Bùi Hoàng T2, sinh ngày 29/11/2015. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Bùi Ngọc H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Tô Huỳnh Phương T. Bà T được ly hôn với ông Bùi Ngọc H.

+ Về con chung: đề nghị giao 02 cháu tên Bùi Hoàng T1, sinh ngày 04/9/2009 và Bùi Hoàng T2, sinh ngày 29/11/2015 cho bà T nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Tô Huỳnh Phương T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Bùi Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Huỳnh Phương T và ông Bùi Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của ông H, bà T là hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T xin ly hôn với ông H với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông H thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông H cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông H thì được biết: Ông Bùi Ngọc H đang sống tại địa chỉ khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bà Tô Huỳnh Phương T cùng 02 con là cháu Bùi Hoàng T1 và cháu Bùi Hoàng T2 hiện đang sống tại địa chỉ Đ, khu phố N, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian ông H, bà T sống chung tại phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không được biết do ông bà không trình báo.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H lên Tòa làm việc, hòa giải để hàn gắn đoàn tụ nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông H đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình. Ông H và bà T hiện đã sống ly thân với nhau.

Do đó, mâu thuẫn giữa ông H, bà T là có thật, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên Bùi Hoàng T1, sinh ngày 04/9/2009 và Bùi Hoàng T2, sinh ngày 29/11/2015, hiện tại các cháu đang sống với bà T. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Bà T cung cấp bảng lương

hiện bà đang làm việc tại Công ty TNHH P thu nhập mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng, bà và các con đang sống cùng với cha mẹ bà tại phường H, thành phố B nên bà có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T1 và cháu T2 và 02 cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H để lấy ý kiến về việc chăm sóc con chung nhưng ông H vắng mặt không có lý do và không trình bày ý kiến về nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không chứng minh được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông H. Do đó, để đảm bảo việc ổn định cuộc sống, phát triển toàn diện về thể chất cũng như tinh thần của cháu T1 và cháu T2, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết. Ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Tô Huỳnh Phương T. Bà Tô Huỳnh Phương T được ly hôn với ông Bùi Ngọc H.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên Bùi Hoàng T1, sinh ngày 04/9/2009 và Bùi Hoàng T2, sinh ngày 29/11/2015. Ly hôn, giao 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông H được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp

nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 01845 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường H, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy